

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn tranh chấp nuôi con
chung giữa chị T và anh C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hùng

Ông Nguyễn Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: ông Đặng Xuân Tụ - **Kiểm sát viên**.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2023/TLST – HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2024; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1999; Địa chỉ: xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân C, sinh năm 1996; địa chỉ: xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Hiện anh C đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Nam Định (địa chỉ Thị trấn X, huyện X)

(Tại phiên tòa chị T, anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phạm Xuân C kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 24/10/2007. Vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh C ham chơi không quan tâm đến vợ con. Bản thân anh đã nghiện ma túy và đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tại X từ tháng 11/2022. Gia đình khuyên can

không sửa chữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị được ly hôn anh **C**.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là **Phạm Kim N**, sinh ngày 22/3/2018 và **Phạm Bảo K** sinh ngày 21/10/2019. Khi ly hôn chị xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Còn anh **C** có điều kiện chu cấp cho con thế nào là tùy anh.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu giải quyết.

Anh **Phạm Xuân C** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai xác định anh và chị **T** kết hôn tự nguyện có đăng ký tại **UBND xã X**. Mâu thuẫn vợ chồng là do quan điểm sống. Nay chị **T** xin ly hôn, anh nhất trí. Về con chung anh chị có hai con chung là **Phạm Kim N**, sinh ngày 22/3/2018 và **Phạm Bảo K** sinh ngày 21/10/2019. Khi ly hôn anh xin nuôi cháu **K** chị nuôi cháu **N**; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện anh đang cai nghiện sắp được ra trại nên đề nghị Tòa án giao cháu **K** cho mẹ anh chăm sóc hộ anh. Về tài sản công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh đang cai nghiện bắt buộc nên xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Minh T** và anh **Phạm Xuân C**. Con chung giao chị nuôi **Phạm Kim N**, sinh ngày 22/3/2018; giao anh nuôi **Phạm Bảo K** sinh ngày 21/10/2019; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Tài sản công nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị Minh T** và anh **Phạm Xuân C** kết hôn tự nguyện và đăng ký tại **UBND xã X** nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh nghiện ma túy. Chị xin ly hôn, anh nhất trí. Xét thấy anh chị đã xác định không thể hàn gắn tình cảm được cũng nên giải phóng cho anh chị để hai bên tự lo hạnh phúc của bản thân.

[3]. Về con chung: Chị xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con; anh xin nuôi cháu **K** để chị nuôi cháu **N**; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện anh đang cai nghiện sắp được ra trại nên anh đề nghị Tòa án giao

cháu **K** cho mẹ anh chăm sóc hộ anh. Xét thấy cháu **K** đang ở với bà nội, anh có nguyện vọng nuôi cháu **K**, bản thân anh sắp ra khỏi trung tâm nên chấp nhận đề nghị của anh để anh nuôi cháu **K** vì đã có mẹ anh hỗ trợ khi anh vắng mặt thời gian còn rất ngắn, để chị nuôi cháu **N** là phù hợp; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom con chung.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị **T** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Minh T** và anh **Phạm Xuân C**;

2. Về con chung: Giao chị **T** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Phạm Kim N**, sinh ngày 22/3/2018; Giao anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Phạm Bảo K** sinh ngày 21/10/2019. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị **T** phải nộp 300.000đ án phí ly hôn được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số **0000209** ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường;

4. Về quyền kháng cáo: Chị **T** và anh **C** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Quỳnh